

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

**Ngày 25-6-2020**

V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp  
nuôi con sau khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Văn Châu

Ông Huỳnh Phước

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Văn Như – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông La Bửu L, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường Đ, khóm M, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Bà Quách Tú H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Số T đường P, khóm H, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông La Bửu L trình bày:***

Ông và bà Quách Tú H kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2008, trong thời gian chung sống, ông L, bà H có 01 người con chung tên La Quách Mỹ L, sinh năm 2008. Sau thời gian chung sống ông và bà H có nhiều chính kiến khác nhau, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên đã ly hôn với nhau vào ngày 09/5/2019 theo bản án số 14/2019/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tại bản án này Tòa án đã

xử cho vợ ông là bà H được quyền nuôi con là cháu La Quách Mỹ L. Nhưng từ thời gian tòa án xét xử đến nay ông nhận thấy bà H không làm tròn trách nhiệm nuôi con với lý do: Bà H đem bạn trai vào nhà trước sự chứng kiến của cháu L và có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Đồng thời bà H không cho ông được quyền đến thăm con. Ông nhận thấy cháu L còn nhỏ, bà H không làm gương cho con với những quan hệ như trên. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận từ khi ông, bà H ly hôn đến nay cháu L được bà H cho đi học đầy đủ về tâm sinh lý phát triển bình thường, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi con tên La Quách Mỹ L, để cháu L được chăm sóc tốt hơn và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

*- Tại phiên hòa giải ngày 21/5/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn, bà Quách Tú H trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về quan hệ hôn nhân và việc ông, bà đã ly hôn theo bản án số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định giao cho bà được quyền nuôi con là cháu La Quách Mỹ L. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L vì từ khi cháu L được sinh ra đến nay đều do bà chăm sóc nuôi dưỡng, cháu L được đi học đầy đủ về tâm sinh lý phát triển bình thường. Bà không đồng ý việc ông L đến thăm con lúc 11 giờ đến 12 giờ khuya, ngoài ra ông L không có nghề nghiệp ổn định nếu giao cháu L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho cháu được phát triển tốt.

*- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông La Bửu L, thấy rằng, ông L và bà Quách Tú H kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2008, trong thời gian chung sống, ông L, bà H có 01 người con chung tên La Quách Mỹ L, sinh năm 2008. Sau thời gian chung sống ông L và bà H có nhiều chính kiến khác nhau, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên đã ly hôn với nhau vào ngày 09/5/2019 theo bản án số 14/2019/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định cho bà H được quyền nuôi con là cháu La Quách Mỹ L. Nay ông L yêu cầu cho ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, vì bà H sau khi ly hôn với ông đã có bạn trai mới và dắt bạn về nhà trước sự chứng kiến của cháu L và chính quyền địa phương. Ngoài ra, bà H không cho ông được quyền thăm nom cháu L. Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành thông báo số 170/TB-TA ngày 06/3/2020 yêu cầu ông L cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là căn cứ, tại phiên hòa giải ngày 21/5/2020 ông L thừa nhận ông đã nhận được thông báo này nhưng ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc bà H dắt bạn trai về nhà trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và bà H không cho ông được quyền đến thăm con. Đồng thời, ông cũng thừa nhận sau khi ly hôn cháu L được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt về tâm sinh lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Tại biên bản xác minh của Tòa án được ông Quách Ngọc L là Trưởng ban nhân dân khóm H, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng xác định cháu L hiện nay đang sống chung với bà H được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Hơn nữa, tại biên bản nghị nhận ý kiến cháu L cháu trình bày cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là bà H. Xét thấy, bà H vẫn còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Do đó, để đảm bảo lợi ích toàn diện của cháu L, tránh gây xáo trộn cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu L căn cứ vào quy định tại Điểm b Khoản 2, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông L là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông La Bửu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 3 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 82; Điều 83; Điểm b, Khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Bửu L về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Quách Mỹ L.

Ông La Bửu L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu La Quách Mỹ L theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông La Bửu L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001736 ngày 02/3/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Ông La Bửu L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Quách Tú H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Tuyền**

